



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TH GROUP

VPGD: L12-L09 An Khang Villa, KĐT Dương Nội - Phường Dương Nội - Hà Nội

Website: [www.thachcaothachanh.com](http://www.thachcaothachanh.com), Hotline: 1900.588.812 - 0979668338

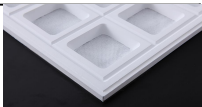
### BẢNG BÁO GIÁ 2025

**Kính gửi: Quý Khách Hàng**

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TH Group xin gửi tới Quý Khách Hàng bảng báo giá chi tiết sản phẩm thạch cao Thạch Anh:

I/ TRẦN THẢ

| STT | Mã SP | TÊN SẢN PHẨM                                                    | ĐVT | GIÁ TG<br>(Tám) | GIÁ BÁN<br>LẺ (Tám) | HÌNH ẢNH |
|-----|-------|-----------------------------------------------------------------|-----|-----------------|---------------------|----------|
| 1   | TA01  | Tấm thả Thạch Anh, sợi gia cường, Kt 603*603*7,5 - 2,5kg        | Tấm | 100.000         | <b>50.000</b>       |          |
| 2   | TA02  | Tấm thả Thạch Anh, sợi gia cường, Kt 603*603*7 - 2,3kg          | Tấm | 110.000         | <b>55.000</b>       |          |
| 3   | TA03  | Tấm thả Thạch Anh, sợi gia cường, Kt 603*603*7 - 2,5kg          | Tấm | 120.000         | <b>60.000</b>       |          |
| 4   | TA4C  | Tấm thả Thạch Anh, sợi gia cường, Kt 595*595*14 - 3,3kg         | Tấm | 150.000         | <b>75.000</b>       |          |
| 5   | TA05  | Tấm thả Thạch Anh, sợi gia cường, Kt 595*595*14 - 3,3kg         | Tấm | 160.000         | <b>80.000</b>       |          |
| 6   | TA06  | Tấm thả Thạch Anh, sợi gia cường, Kt 595*595*16 - 3,5kg         | Tấm | 180.000         | <b>90.000</b>       |          |
| 7   | TA07  | Tấm thả Thạch Anh, sợi gia cường, Kt 595*1197*16 - 7,0kg        | Tấm | 420.000         | <b>210.000</b>      |          |
| 8   | TA08  | Tấm thả Thạch Anh, sợi gia cường, Kt 294*1197*16 - 3,5kg        | Tấm | 220.000         | <b>110.000</b>      |          |
| 9   | TA09  | Tấm thả Thạch Anh tiêu âm, sợi gia cường, Kt 603*603*9 - 3,1kg  | Tấm | 230.000         | <b>115.000</b>      |          |
| 10  | TA10  | Tấm thả Thạch Anh tiêu âm, sợi gia cường, Kt 603*603*9 - 3,1kg  | Tấm | 240.000         | <b>120.000</b>      |          |
| 11  | TA11  | Tấm thả Thạch Anh tiêu âm, sợi gia cường, Kt 603*603*9 - 3,0kg  | Tấm | 210.000         | <b>105.000</b>      |          |
| 12  | TA12  | Tấm thả Thạch Anh tiêu âm, sợi gia cường, Kt 595*595*16 - 3,3kg | Tấm | 400.000         | <b>200.000</b>      |          |

|    |      |                                                                                           |     |           |                |                                                                                     |
|----|------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | TA13 | Tấm thả Thạch Anh xuyên sáng, sợi gia cường , Kt 595*595*16 - 5,5kg<br>(Chưa bao gồm đèn) | Tấm | 1.300.000 | <b>650.000</b> |  |
| 14 | TA14 | Tấm thả Thạch Anh xuyên sáng, sợi gia cường , Kt 595*595*16 - 4,5kg<br>(Chưa bao gồm đèn) | Tấm | 1.280.000 | <b>640.000</b> |  |
| 15 | TA15 | Tấm thả Thạch Anh tiêu âm, sợi gia cường , Kt 600*1200*8 - 8,4kg                          | Tấm | 1.800.000 | <b>900.000</b> |  |

II/ VÁCH - TRẦN CHÌM

| STT | Mã SP | TÊN SẢN PHẨM                                                            | ĐVT | GIÁ TG<br>(Tấm) | GIÁ BÁN<br>LẺ (Tấm) | HÌNH ẢNH                                                                              |
|-----|-------|-------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | TC1A  | Tấm Thạch Anh chống cháy, hệ 2 lưới gia cường, Kt 1200*1800*8 - 18,6kg  | Tấm | 860.000         | <b>430.000</b>      |  |
| 2   | TC1B  | Tấm Thạch Anh chống cháy, hệ 2 lưới gia cường, Kt 1220*1830*8 - 21,5kg  | Tấm | 880.000         | <b>440.000</b>      |                                                                                       |
| 3   | TC2   | Tấm Thạch Anh chống cháy, hệ 2 lưới gia cường, Kt 1220*1830*10 - 26,8kg | Tấm | 1.100.000       | <b>550.000</b>      |                                                                                       |
| 4   | TC3   | Tấm Thạch Anh chống cháy, hệ 2 lưới gia cường, Kt 1220*1830*12 - 32,1kg | Tấm | 1.240.000       | <b>620.000</b>      |                                                                                       |
| 5   | TC4   | Tấm Thạch Anh chống cháy, hệ 2 lưới gia cường, Kt 1220*1830*15 - 41,3kg | Tấm | 1.600.000       | <b>800.000</b>      |                                                                                       |
| 4   | TC5   | Tấm Thạch Anh chống cháy, hệ 2 lưới gia cường, Kt 1220*2440*8 - 27kg    | Tấm | 1.140.000       | <b>570.000</b>      |                                                                                       |
| 5   | TC6   | Tấm Thạch Anh chống cháy, hệ 2 lưới gia cường, Kt 1220*2440*10 - 34,2kg | Tấm | 1.460.000       | <b>730.000</b>      |                                                                                       |
| 6   | TC7   | Tấm Thạch Anh chống cháy, hệ 2 lưới gia cường, Kt 1220*2440*12 - 40kg   | Tấm | 1.680.000       | <b>840.000</b>      |                                                                                       |
| 7   | TC8   | Tấm Thạch Anh chống cháy, hệ 2 lưới gia cường, Kt 1220*2440*15 - 51,9kg | Tấm | 2.100.000       | <b>1.050.000</b>    |                                                                                       |
| 7   | CT1   | Cửa thả trần chìm, chống cháy, Kt bao 580*580; Kt lỗ 450*450            | Bộ  | 1.200.000       | <b>600.000</b>      |  |

III/ KHUNG XƯƠNG TRẦN THẢ

| STT          | Mã SP                            | TÊN SẢN PHẨM                                                     | ĐVT   | GIÁ TG<br>(Thanh) | GIÁ BÁN<br>LẺ (Thanh) | HÌNH ẢNH                                                                              |
|--------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------|-------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| A            | Khung xương T hợp kim nhôm 0,4mm |                                                                  |       |                   |                       |                                                                                       |
| 1            | KX1                              | Xương T chính 3m 21*28*0.4 (lắp với tấm 603*603*7, 603*603*9 )   | Thanh | 116.000           | 58.000                |    |
| 2            | KX2                              | Xương T phụ 0,6m 21*18*0.3 (lắp với tấm 603*603*7, 603*603*9)    | Thanh | 14.400            | 7.200                 |    |
| 3            | KX3                              | Xương biên V 3m 15*15*0.3                                        | Thanh | 48.000            | 24.000                |    |
| B            | Khung xương T hợp kim nhôm 0,6mm |                                                                  |       |                   |                       |                                                                                       |
| 1            | KX4                              | Xương T chính 3m 21*28*0.6 (lắp với tấm 603*603*7, 603*603*9)    | Thanh | 166.000           | 83.000                |    |
| 2            | KX5                              | Xương T phụ 0,6m 21*18*0.5 (lắp với tấm 603*603*7, 603*603*9)    | Thanh | 23.600            | 11.800                |    |
| 3            | KX3                              | Xương biên V 3m 15*15*0.3                                        | Thanh | 48.000            | 24.000                |    |
| C            | Khung xương T hợp kim nhôm 0,8mm |                                                                  |       |                   |                       |                                                                                       |
| Tấm 595x595  |                                  |                                                                  |       |                   |                       |                                                                                       |
| 1            | KX6                              | Xương T chính 3m 16*30*0.8 (lắp với tấm 595*595*14, 595*595*16 ) | Thanh | 190.000           | 95.000                |  |
| 2            | KX7                              | Xương T phụ 0,6m 16*20*0.7 (lắp với tấm 595*595*14, 595*595*16)  | Thanh | 25.000            | 12.500                |  |
| 3            | KX8                              | Xương biên V 3m 12*18*0.7                                        | Thanh | 100.000           | 50.000                |  |
| D            | Khung xương T hợp kim nhôm 1,0mm |                                                                  |       |                   |                       |                                                                                       |
| Tấm 294x1197 |                                  |                                                                  |       |                   |                       |                                                                                       |
| 1            | KX9                              | Xương T chính 3,68m 16*30*1,0 (lắp với tấm 294*1197*16)          | Thanh | 280.000           | 140.000               |  |
| 2            | KX10                             | Xương T phụ 0,3m 16*20*0.9 (lắp với tấm 294*1197*16)             | Thanh | 16.800            | 8.400                 |  |
| 3            | KX11                             | Xương biên V 3m 12*18*0.9                                        | Thanh | 104.000           | 52.000                |  |
| Tấm 595x1197 |                                  |                                                                  |       |                   |                       |                                                                                       |
| 1            | KX9                              | Xương T chính 3,68m 16*30*1,0 (lắp với tấm 595*1197*16)          | Thanh | 280.000           | 140.000               |  |
| 2            | KX12                             | Xương T phụ 0,6m 16*20*0.9 (lắp với tấm 294*1197*16)             | Thanh | 30.000            | 15.000                |  |
| 3            | KX11                             | Xương biên V 3m 12*18*0.9                                        | Thanh | 104.000           | 52.000                |  |

IV/ PHỤ KIỆN

| STT | Mã SP | TÊN SẢN PHẨM                                                                  | ĐVT | ĐƠN GIÁ | GIÁ BÁN LẺ | HÌNH ẢNH                                                                            |
|-----|-------|-------------------------------------------------------------------------------|-----|---------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | T1    | Móc treo cầu chữ T (Lắp đặt trực tiếp bằng ty ren)                            | Cái | 4.000   | 2.000      |  |
| 2   | T2    | Móc treo thẳng số 1 (Dùng kèm khung xương thép nhẹ 38mm)                      | Cái | 6.000   | 3.000      |  |
| 3   | T3    | Móc treo thẳng số 2 (Dùng kèm khung xương thép nhẹ loại 38mm hoặc 50mm)       | Cái | 6.000   | 3.000      |  |
| 4   | T4    | Móc treo thẳng số 3 (Dùng kèm khung xương thép nhẹ loại 38mm, 50mm hoặc 60mm) | Cái | 6.400   | 3.200      |  |
| 5   | N5    | Nơ đạn M6 (1kg =100 cái)                                                      | Kg  | 112.000 | 56.000     |  |
| 6   | N6    | Nơ đạn M8 (1kg = 55 cái)                                                      | Kg  | 82.000  | 41.000     |  |

Ghi chú:

- Bảng giá đã bao gồm thuế VAT đối với hệ tấm thạch cao và chưa gồm VAT với hệ khung xương, phụ kiện.
- Miễn phí vận chuyển với đơn hàng 100 triệu hoặc bán kính 30km tính từ kho nhà cung cấp (Sóc Sơn - Hà Nội).
- Thời gian bảo hành:
  - + Tấm trần thả: 10 năm (Do lỗi của nhà sản xuất).
  - + Tấm vách trần chìm : 20 năm (Do lỗi của nhà sản xuất).
  - + Khung xương hợp kim nhôm : 30 năm (Do lỗi của nhà sản xuất).
- Điều khoản thanh toán: 100% sau khi xác nhận đơn đặt hàng.
- Tư vấn kỹ thuật & hướng dẫn thi công miễn phí.
- Bảng báo giá áp dụng từ ngày 01/08/2025 cho đến khi có thông báo mới bằng văn bản.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI TH GROUP  
Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2025  
TỔNG GIÁM ĐỐC